TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2023/DS-PT
Ngày: 30-5-2023
"*V/v Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30-05-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 04 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/ DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Kim L** - sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Bùi Văn P** - sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023).

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Hữu N**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa l bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn bà Thái Kim L trình bày như sau:*

Vào ngày 23/01/2022, ông N có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, việc vay tiền có xác lập biên nhận. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay ông N không đóng lãi cũng không trả số tiền vay cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Trong biên nhận tiền có thể hiện người vay tiền là ông N và bà Huỳnh Thị H nhưng chỉ có một mình ông N ký tên nên bà xác định chỉ khởi kiện một mình ông N.

Giữa bà và ông N chỉ có xác lập với nhau biên nhận ngày 23/01/2022 mà bà đã giao nộp, ngoài ra không còn biên nhận nào khác.

Nay bà L yêu cầu ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Đồng thời yêu cầu ông N phải có trách nhiệm trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Văn P là đại diện theo ủy quyền của bà Thái Kim L trình bày:* Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày của bà L, yêu cầu ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu ông N phải trả lãi suất.

** Bị đơn là ông Huỳnh Hữu N trình bày:*

Trước đây giữa ông và bà L có thỏa thuận vay tiền nhiều lần, tổng số tiền cả nợ gốc và lãi suất là 57.000.000 đồng, bà L có lập biên nhận và giữ biên nhận, ông không có giữ bất kỳ biên nhận nào.

Ngoài ra, ông còn trình bày vào ngày 23/02/2022, ông có vay thêm của bà L số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng đến ngày 24/02/2022 thì ông đã gửi tiền cho em gái của bà L để nhờ trả lại cho bà L (không có gì để chứng minh) nhưng do sơ ý nên ông không lấy lại biên nhận gốc. Nay bà L xuất trình biên nhận với số tiền là 150.000.000 đồng thì ông không đồng ý do số tiền này ông đã trả xong. Tuy nhiên, trong vụ án này ông N không có yêu cầu gì đối với em gái của bà L, nếu cần thiết thì ông sẽ khởi kiện em của bà L bằng một vụ kiện khác.

Nay ông N chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vay 57.000.000 đồng, ngoài ra không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào khác cho bà L.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Kim L.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thái Kim L số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim L về phần lãi suất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Thái Kim L đối với bị đơn là ông Huỳnh Hữu N về việc yêu cầu trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Hữu N; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Đối với khoản nợ vay mà bà L yêu cầu ông N có trách nhiệm trả thông qua biên nhận do bà L cung cấp, ông N thừa nhận biên nhận là do ông ký nhận và ông thừa nhận có mượn của bà L số tiền này để đáo nợ Ngân hàng. Do đó, việc bà L khởi kiện đối với ông N về khoản nợ vay là có căn cứ.

Tuy nhiên, việc ông N cho rằng sau khi đáo nợ Ngân hàng xong thì ông đã đem tiền đến trả cho bà L, nhưng do sơ ý nên không có lấy lại biên nhận nợ. Lời trình bày này của ông N không được bà L thừa nhận, ông N không có chứng cứ gì để chứng minh. Theo đơn kháng cáo thì ông N cho rằng ông đã trả đủ số tiền vay là 150.000.000đ và 900.000đ tiền lãi cho em gái của bà L nên ông yêu cầu được đối chất. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm; ông N cũng không cung cấp được họ tên, địa chỉ của em gái bà L. Do đó, cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để xem xét yêu cầu được đối chất của ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Ông N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu N;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 02-02-2023 của Tòa án nhân dân Huyện C;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Kim L.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thái Kim L số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim L về phần lãi suất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Hữu N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Bà Thái Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.143.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014543 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh